

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TRUYỀN THÔNG QUẢNG CÁO HTP**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TRUYỀN THÔNG QUẢNG CÁO HTP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HTP MEDIA ADVERTISING AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109336551

**3. Ngày thành lập:** 09/09/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 10B, hẻm 48, ngách 26, ngõ 145 đường Phúc Lợi, Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 094 696 2232

Fax:

Email: [kd.htpmedia@gmail.com](mailto:kd.htpmedia@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | In ấn<br>(trừ in tráng bao bì kim loại, in trên sản phẩm vải, sợi, dệt, may đan)                                                                                                                                                                         | 1811     |
| 2.  | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                                                 | 1812     |
| 3.  | Sao chép bản ghi các loại<br>Chi tiết: - Sao chép băng, đĩa hát, đĩa compact và băng máy từ các bản gốc; - Sao chép băng, đĩa từ, băng video phim và các ấn phẩm video từ các bản gốc; - Sao chép các phần mềm và dữ liệu sang đĩa, băng từ các bản gốc. | 1820     |
| 4.  | Sản xuất thiết bị truyền thông                                                                                                                                                                                                                           | 2630     |
| 5.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                                                       | 4649     |
| 6.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu: bán buôn máy móc thiết bị, vật tư phục vụ cho hoạt động hội chợ, triển lãm, ngành quảng cáo.                        | 4659     |
| 7.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: bán buôn quà tặng lưu niệm                                                                                                                                                                | 4669     |
| 8.  | Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(có nội dung được phép lưu hành)                                                                                                                           | 4762     |
| 9.  | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: bán lẻ quà tặng lưu niệm                                                                                                                                                           | 4773     |
| 10. | Xuất bản phần mềm                                                                                                                                                                                                                                        | 5820     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 11. | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>(Trừ phát sóng, sản xuất phim và không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)                                                                                                                                                                                  | 5911        |
| 12. | Hoạt động hậu kỳ<br>(Trừ sản xuất phim, phát sóng và không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)                                                                                                                                                                                                                                          | 5912        |
| 13. | Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>(Trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 5913        |
| 14. | Hoạt động chiếu phim                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 5914        |
| 15. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>Tư vấn, đào tạo nghiệp vụ quảng cáo, quản trị doanh nghiệp, tiếp thị và mỹ thuật ứng dụng (không bao gồm đào tạo kế toán, kiểm toán, thuế); tư vấn, nghiên cứu, xây dựng và thẩm định kế hoạch quảng cáo, các giải pháp thị trường, quản trị và quản lý doanh nghiệp; tư vấn xây dựng và phát triển thương hiệu cho doanh nghiệp (không bao gồm tư vấn và đại diện trước pháp luật, hoạt động kế toán, kiểm toán, tư vấn thuế). | 7020        |
| 16. | Quảng cáo<br>Chi tiết: Tư vấn, thiết kế, thi công các loại biển quảng cáo (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình); tư vấn, dịch vụ quảng cáo truyền hình; tư vấn và quảng cáo trực tuyến trên mạng internet; quảng cáo thương mại, phi thương mại và các dịch vụ liên quan đến quảng cáo như thiết kế và sản xuất các chương trình quảng cáo, quà tặng khuyến mại (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình)                                           | 7310        |
| 17. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7320        |
| 18. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Thiết kế quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7410        |
| 19. | Hoạt động nhiếp ảnh<br>(trừ sản xuất phim)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7420        |
| 20. | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác<br>Chi tiết: Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác.                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 8219        |
| 21. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>Chi tiết: tổ chức hội nghị, hội thảo, hội chợ, sự kiện (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh).                                                                                                                                                                                         | 8230(Chính) |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                             |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 22. | Giáo dục thể thao và giải trí<br>(Trừ hoạt động của các sân nhảy)                                                                                                                                                                                           | 8551 |
| 23. | Giáo dục văn hoá nghệ thuật<br>(Trừ hoạt động của các sân nhảy)                                                                                                                                                                                             | 8552 |
| 24. | Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí<br>(Trừ kinh doanh vũ trường, phòng trà ca nhạc và không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ, không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh) | 9000 |
| 25. | Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ<br>(Trừ môi giới kết hôn có yếu tố nước ngoài)                                                                                                                                                                             | 9633 |

**6. Vốn điều lệ:** 5.900.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông       | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN THÀNH HUÂN | Thôn Cổ Am, Xã Vũ Ninh, Huyện Kiến Xương, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam                   | Cổ phần phổ thông         | 236.000    | 2.360.000.000         | 40,000    | 0310900004<br>56                                                                            |         |
|     |                   |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                      | Tổng số                   | 236.000    | 2.360.000.000         | 40,000    |                                                                                             |         |

|   |                          |                                                                      |                                    |         |               |        |                  |
|---|--------------------------|----------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------|---------------|--------|------------------|
| 2 | NGUYỄN THỊ<br>DIỄM HƯƠNG | Xóm 15, Xã Nam<br>Hải, Huyện Nam<br>Trực, Tỉnh Nam<br>Định, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 177.000 | 1.770.000.000 | 30,000 | 163203878        |
|   |                          |                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                          |                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                          |                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                          |                                                                      | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                          |                                                                      | Tổng số                            | 177.000 | 1.770.000.000 | 30,000 |                  |
|   |                          |                                                                      |                                    |         |               |        |                  |
| 3 | NGUYỄN CHÍ<br>THANH      | Xóm 15, Xã Nam<br>Hải, Huyện Nam<br>Trực, Tỉnh Nam<br>Định, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 177.000 | 1.770.000.000 | 30,000 | 0360950064<br>01 |
|   |                          |                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                          |                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                          |                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                          |                                                                      | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                          |                                                                      | Tổng số                            | 177.000 | 1.770.000.000 | 30,000 |                  |
|   |                          |                                                                      |                                    |         |               |        |                  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THÀNH HUÂN

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 21/08/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 031090000456

Ngày cấp: 13/08/2020

Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Cổ Am, Xã Vũ Ninh, Huyện Kiến Xương, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Cổ Am, Xã Vũ Ninh, Huyện Kiến Xương, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội